

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 34: từ ngày 06/04/2026 đến ngày 12/04/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) (B.101) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) (B.101) 4	
	Chiều	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KT thịt và các sp khác (Duyên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1
K11-DVTY P.E303	Sáng		KTNPTB cho lợn (Hung) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) (P.TH01) 4
	Chiều	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	Khuyến nông (Lưu) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	Quản trị doanh nghiệp (Son) 2	Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 4			Kế toán DN 1 (Dung) 3
	Chiều	Quản trị VP (Hoa) 2 Tin học kế toán (Q.Mai) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 2 Quản trị doanh nghiệp (Son) 2	Tin học kế toán (Q.Mai) 4	Kiểm toán (Hoa) 2 Quản trị VP (Hoa) 2	Tin học kế toán (Q.Mai) 3
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	Chăn nuôi chuyên khoa (H.Nga) 4	Cây ăn quả (Huệ) 4	Kiểm dịch TV (Lịch) 4	Cây ăn quả (Huệ) 4	Chăn nuôi chuyên khoa (H.Nga) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1
TT65A1 P.B201	Sáng	Thủy nông (Bình) 4	Hóa BVTV (Huệ) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	Tiếng anh (Linh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	Côn trùng CK (Hương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Thủy nông (Huyền) 4	Tiếng anh (Linh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1
	Chiều					
LN65A	Sáng	Tạo cây giống bằng ghép (Hương) 4	Tạo cây giống từ hạt (Tuyết) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Tạo cây giống bằng ghép (Hương) 4	Tiếng anh (Linh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1
	Chiều					
CN64A1 P.E203	Sáng					
	Chiều	Ngoại sản (Vân) 4	KT thịt và các sp khác (Lệ) 4	Luật thú y (Nga) 4	KT thịt và các sp khác (Lệ) 4	Quản trị kinh doanh (Thuý) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1

BAN NHÀ

CN65A1 P.B202	Sáng	Tiếng anh (Linh)	4	Tin học (Tâm)	4	Khuyến nông (Thọ)	4	Giống vật nuôi (Quyên)	4	CD và ĐTH thú y (Lê)	3
	Chiều			(P.TH thư viện)						Sinh hoạt lớp (Lê)	1
CN65A3 P.B203	Sáng	VSV - Truyền nhiễm (Duyên)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Giống vật nuôi (Hằng)	4	VSV - Truyền nhiễm (Duyên)	3
	Chiều									Sinh hoạt lớp (H.Nga)	1
CN65A4 P.E304	Sáng	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Giống vật nuôi (Quyên)	4	Tin học (Phuong)	4	Khuyến nông (Triệu)	4	VSV - TN (Phượng)	3
	Chiều					(P.TH thư viện)				Sinh hoạt lớp (Vân)	1
KTDN64A1 P.E202	Sáng										
	Chiều	Phân tích HĐKD (Nga)	2	Tin học kế toán (Mai)	4	Phân tích HĐKD (Nga)	2	Tin học kế toán (Mai)	4	Kế toán HCSN (P.Thảo)	3
KTDN64A2 P.E204	Sáng										
	Chiều	Kế toán HCSN (P.Thảo)	2	Kiểm toán (Hoa)	2					Sinh hoạt lớp (Hoa)	1
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Tin học kế toán (Q.Mai)	4	Kế toán HCSN (P.Thảo)	2	Tin học kế toán (Q.Mai)	4	Kiểm toán (Hoa)	2	Tin học kế toán (Q.Mai)	3
	Chiều			Phân tích HĐKD (Nga)	2			Phân tích HĐKD (Nga)	2	Sinh hoạt lớp (Thuý)	1
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Kinh tế chính trị (Quế)	4	Tài chính doanh nghiệp (Thuý)	4	Tin học (Hà)	4	Soạn thảo VB (Hoa)	4	Kế toán DN 1 (Dung)	3
	Chiều									Sinh hoạt lớp (Dung)	1
KTDN64B	Sáng	Luật kinh tế (Huyền)	2	Kế toán DN 1 (T.Thảo)	4	Soạn thảo VB (Hoa)	4	Lý thuyết TCTT (P.Thảo)	2	Tài chính doanh nghiệp (Thuý)	3
	Chiều	Nguyên lý Marketing (Son)	2					Kinh tế chính trị (Quế)	2	Sinh hoạt lớp (P.Thảo)	1
KTDN65B	Sáng										
	Chiều	Tin học kế toán (Mai)	4	Phân tích HĐKD (T.Thảo)	4	Kế toán HCSN (P.Thảo)	4	Kế toán HCSN (P.Thảo)	4	Phân tích HĐKD (T.Thảo)	3
CNTT64A1 P.TH	Sáng	Nguyên lý Marketing (Dung)	4	Luật kinh tế (Nga)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Tài chính doanh nghiệp (Dung)	4	Soạn thảo VB (Son)	3
	Chiều									Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	QTHT Web và Mail Server (Tâm)	4	SD các thiết bị văn phòng (Trường)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	3
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	SD các thiết bị văn phòng (Trường)	4	QTHT Web và Mail Server (Tâm)	4	QTHT Web và Mail Server (Tâm)	3
										Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1

Đ
 TR
 CAC
 ONC
 THA
 7

CNTT65A1 P.B205	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tổ chức QLDN (Son) 4	Mạng máy tính (Tâm) 4	Cấu trúc máy tính (Hà) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Mạng máy tính (Tâm) 4	Lập trình cơ bản (Thào) 4	Cơ sở dữ liệu (Phương) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1
ĐCN64A1 P.E103	Sáng					
	Chiều	Cung cấp điện (H.Anh) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Thiết bị điện gia dụng (Tuấn) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Thiết bị điện gia dụng (Tuấn) 3
ĐCN64A2 P.E104	Sáng					
	Chiều	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 4 <i>(P.E204)</i>	Thiết bị điện gia dụng (Giáp) 4	Thiết bị điện gia dụng (Giáp) 3
ĐCN64A3 P.E101	Sáng					
	Chiều	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	TB điện gia dụng (Huân) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 3
ĐCN 64B	Sáng					
	Chiều	Thiết bị điện gia dụng (Huân) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Thiết bị điện gia dụng (Huân) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Kỹ năng giao tiếp (Huyền) 3
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	Đo lường điện (A.Đức) 4	GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Hội) 2	Đo lường điện (A.Đức) 4	Truyền động điện (N.Đức) 4	Khí cụ điện (Đ.Đức) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Khí cụ điện (Giáp) 4	GDTC (Thủy) 2 GD chính trị (Quế) 2	Truyền động điện (Hòa) 4	Đo lường điện (A.Đức) 4	Máy điện (Tuấn) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1
ĐCN65B1	Sáng	Máy điện (Huân) 4	Truyền động điện (N.Đức) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Máy điện (Huân) 4	Máy điện (Huân) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i> 1
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	Đo lường điện (Nga) 4	GDTC (Hà) 2 GD chính trị (Tài) 2	Máy điện (H. Anh) 4	Khí cụ điện (Giáp) 4	Máy điện (H.Anh) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i> 1
ĐCN65B3 P.B306	Sáng	Máy điện (Tuấn) 4	GD chính trị (Thắm) 2 GDTC (Thủy) 2	Máy điện (Tuấn) 4	Vật liệu điện (Nga) 4	Đo lường điện (Nga) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1

TL64	Sáng								
	Chiều	Máy đóng mở cửa van (N.Đức) 4	TB điện trong HTTL (Huyền) 4	Vận hành máy bơm LT và HL (Hoà) 4	TB điện trong HTTL (Huyền) 4	Kỹ thuật nền móng (N.Đức) 3	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1		
TL65	Sáng	Bảo vệ MT (Hoà) 4	Trắc địa (Hoà) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Trắc địa (Hoà) 4	QLVH tưới tiêu (Huyền) 3	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1		
	Chiều								
CBBQ64	Sáng								
	Chiều	Kiểm tra chất lượng TS (Năm) 3	Kiểm tra chất lượng TS (Năm) 3	CB khô thủy sản (Liên) 3	Kiểm tra chất lượng TS (Năm) 3	CB khô thủy sản (Liên) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1		
CBBQ65	Sáng	CB Surimi (Năm) 4	CB Surimi (Năm) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Bao bì TP (Liên) 4	CB Surimi (Năm) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1		
	Chiều								
KTMTT64	Sáng								
	Chiều		BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 3	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 3	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 3	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1		
KTMTT65	Sáng	KT điện - điện lạnh (Đông) 4	KT điện - điện lạnh (Đông) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh CN A1 (T.Nhung) 4	KT điện - điện lạnh (Đông) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1		
	Chiều								
NTTS64	Sáng								
	Chiều	Nuôi tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	Nuôi tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	Nuôi tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	Nuôi tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	Nuôi tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1		
ĐKTB65	Sáng	Thiết bị trên boong (Trung) 4	Thủy nghiệp (Tiến) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Bảo vệ MT biển (Ánh) 4	Thiết bị trên boong (Trung) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1		
	Chiều								

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
LỚP				
TT64A2	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Chăn nuôi CK (Hoà) 4	Kiểm dịch TV (Lịch) 4
	Chiều		Cây ăn quả (Hương) 4	Kiểm dịch TV (Lịch) 4
TT64A3 P.B204	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Chăn nuôi CK (H. Nga) 4	Kiểm dịch TV (Huyền) 4
	Chiều		Chăn nuôi CK (H. Nga) 4	

TT65A2 P.B204	Sáng	GD thể chất (Hà)	4	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Sinh lý TV (Huyền)	4	GD chính trị (Quế)	3		
CN64A2 P.B205	Sáng	Ngoại sản (Hung)	4	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1	Ngoại sản (Hung)	4
	Chiều	Trồng trọt cơ bản (Huệ)	4	KT thịt và các sản phẩm khác (Phượng)	4		
CN65A2 P.B205	Sáng	GD thể chất (Hà)	4	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	GPSL vật nuôi (Hằng)	4	GD chính trị (Quế)	3		
			4	Tin học (Tâm)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

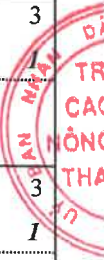


Đoàn Văn Lưu



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày từ ngày 06/04/2026 đến ngày 12/04/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Hà) 4	Lịch sử (Hà) 2
	Chiều	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	GDKT và PL (Thuý) 4	GDKT và PL (Thuý) 2	Toán (Nhưng) 3 HĐTN (Nhưng) 1
VH63B3 P.B302	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 4	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Dự) 4		GDKT và PL (Quế) 3 HĐTN (Hà) 1
	Chiều	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quế) 4	Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Quế) 2	
VH63B4 P.B303	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 4	GDKT và PL (Quyên) 4	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Dự) 3 HĐTN (Dự) 1
	Chiều	Toán (Nhưng) 2			GDKT và PL (Quyên) 2	
VH63B6 P.B304	Sáng		Ngữ văn (Hường) 4	Lịch sử (Lý) 4	GDKT và PL (Tài) 4	Toán (Nhưng) 3 HĐTN (Hoà) 1
	Chiều	Lịch sử (Lý) 2	GDKT và PL (Tài) 2	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hường) 2	
VH63B7 P.B305	Sáng	GDKT và PL (Nga) 4	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 2	Ngữ văn (H.Hà) 4	Địa lý (Ngọc) 3 HĐTN (Nga) 1
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Quý) 4	Địa lý (Ngọc) 2		
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (Hường) 4		Ngữ văn (Hường) 4	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hường) 3 HĐTN (K.Nhung) 1
	Chiều		Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Quý) 2		GDKT và PL (Quyên) 2
VH64B1	Sáng	Vật lý (Son) 3	Hoá học (Doan) 4	GDKT và PL (Thuý) 4	Địa lý (Thuý) 4	Ngữ văn (Hằng) 4 HĐTN (Hằng) 1



VH64B3 P.E101	Sáng	Lịch sử (Dự) 2 Toán (Dương) 2	Ngữ văn (Chi) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Vật lý (Hoà) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Địa lý (Thủy) 4	GDKT và PL (Quyên) HĐTN (Vân)	3 1
VH64B4 P.E201	Sáng	Vật lý (Trung) 2 Địa lý (Nga) 2	Hoá học (Hà) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Chi) 2 Địa lý (Nga) 2	GDKT và PL (Thắm) HĐTN (H.Nga)	3 1
VH64B5 P.E202	Sáng	Toán (Dương) 2 Hoá học (Hà) 2	Lịch sử (Hằng) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Ngữ văn (Chi) 2 Toán (Dương) 2	Địa lý (Lực) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Vật lý (Hoà) HĐTN (Dương)	3 1
VH64B6 P.E204	Sáng	Lịch sử (Hằng) 4	Địa lý (Lực) 2 Hóa học (Hà) 2	Toán (Quý) 4	Hóa học (Hà) 2 Địa lý (Lực) 2	Ngữ văn (H.Hà) HĐTN (H. Hà)	3 1
VH64B8 P.E203	Sáng	Ngữ văn (Lý) 4	Toán (Quảng) 4	GDKT và PL (Tài) 2 Địa lý (Lực) 2	Hoá học (Vân) 2 GDKT và PL (Tài) 2	Toán (Quảng) HĐTN (Phiên)	3 1
VH65B1	Chiều	Địa lý (Thúy) 4	Hoá học (Doan) 4	Toán (Hương) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Hà) HĐTN (Thúy)	3 1
VH65B2 P.E302	Chiều	Hóa học (Hà) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Vật lý (Trung) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Thủy) 2 Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Vật lý (Trung) 2	Lịch sử (Dự) HĐTN (Quyên)	3 1
VH65B3 P.E301	Chiều	Vật lý (Trung) 2 Toán (Quý) 2	Địa lý (Phương) 2 Ngữ văn (Lý) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Hoá học (Vân) 2	Ngữ văn (Lý) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	Ngữ văn (Lý) HĐTN (Quý)	3 1
VH65B4 P.E101	Chiều	Toán (Quý) 2 Địa lý (Lực) 2	Địa lý (Lực) 2 Vật lý (Hoà) 2	Vật lý (Hoà) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Dự) 2 Hóa học (Vân) 2	Địa lý (Lực) HĐTN (Mạnh)	2 1
VH65B5 P.B205	Chiều	GDKT và PL (Nga) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Lịch sử (Hằng) 2 Vật lý (Hoà) 2	Địa lý (Lực) 2 Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Hà) HĐTN (Lực)	3 1
VH65B6 P.B204	Chiều	Lịch sử (Hằng) 2 Vật lý (Trung) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Địa lý (Phương) 2	Toán (Quảng) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	Sinh học (Phượng) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Toán (Quảng) HĐTN (Thắm)	3 1

VH65B7 P.B104	Chiều	Toán (Quảng) GDKT và PL (Nga)	2 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Quảng)	2 2	Vật lý (Trung) Ngữ văn (Lý)	2 2	Địa lý (Phượng) Ngữ văn (Lý)	2 2	GDKT và PL (Nga) HĐTN (Phượng)	3 1
VH65B8 P.B202	Chiều	Địa lý (Lục) Toán (Quảng)	2 2	Toán (Quảng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Ngữ văn (Hường) GDKT và PL (Quế)	2 2	Hoá học (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hường) HĐTN (Hường)	3 1
VH65B9 P.B203	Chiều	Ngữ văn (Hà)	4	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Sinh học (Hồng) Toán (Quảng)	2 2	Toán (Quảng) Địa lý (Phượng)	2 2	Địa lý (Phượng) HĐTN (Hồng)	3 1
VH65B10 P.B103	Chiều	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Lý) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Lý) Địa lý (Thủy)	2 2	Sinh học (Hồng) Lịch sử (Dự)	2 2	HĐTN (Thắm) Địa lý (Thủy)	1 3
VH65B11 P.B201	Chiều	Hoá học (Vân) GDKT và PL (Quế)	2 2	Toán (Dương) Sinh học (Hồng)	2 2	Địa lý (Nga) Lịch sử (Hằng)	2 2	Ngữ văn (Hà)	4	Địa lý (Nga) HĐTN (Quế)	3 1

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH
 ĐOÀN VĂN LƯU